

CẢI LƯƠNG NAM BỘ: NHÌN TỪ CHỦ THỂ VĂN HÓA VÀ ĐẶC TÍNH BIỂU CẢM CỦA LOẠI HÌNH

NGUYỄN THỊ TRÚC BẠCH

Cải lương là loại hình kịch hát hình thành trên cơ sở cải cách sân khấu hát bội truyền thống, phát triển lối ca ra bộ và tiếp thu nền kịch nghệ phương Tây. Cải lương xuất hiện đầu tiên trên đất Nam Bộ và người Việt ở Nam Bộ là chủ thể văn hóa của quá trình sáng tạo, tiếp nhận sân khấu cải lương. Nội dung bài viết nhìn nhận và phân tích cải lương Nam Bộ thông qua hai vấn đề nghiên cứu chính: 1/ Môi trường tự nhiên - xã hội góp phần hình thành đặc trưng tính cách của chủ thể văn hóa - người Việt ở Nam Bộ, 2/ Đặc tính biểu cảm là một trong những đặc trưng nghệ thuật tiêu biểu của cải lương. Đây là đặc trưng có ý nghĩa tiên quyết đối với cải lương, loại hình được mệnh danh là: “nghệ thuật tình cảm”, “sân khấu trữ tình”. Trên sân khấu cải lương, tính biểu cảm được thể hiện ở các bình diện như: nội dung kịch bản; bài bản và làn điệu; diễn xuất.

Cải lương là một trong những sản phẩm văn hóa nghệ thuật tiêu biểu của người Việt ở Nam Bộ. Đó là loại hình kịch hát chính thức xuất hiện ở Nam Bộ vào những năm 20 của thế kỷ XX, được hình thành trên cơ sở cải cách sân khấu hát bội truyền thống, phát triển lối ca ra bộ và tiếp thu nền kịch nghệ phương Tây. Ngay từ khi ra đời, cải lương không chỉ được công chúng Nam Bộ yêu thích, mà còn nhanh chóng chiếm lĩnh lòng ái mộ của các nghệ sĩ, khán giả miền Bắc và miền Trung.

Trong lịch sử hình thành và phát triển, cải lương từng giữ vị trí đỉnh cao, được đông đảo công chúng yêu thích, say mê. Ngày nay, do sự phát triển

của truyền thông và các loại hình giải trí ngày càng đa dạng, sự quan tâm của công chúng với cải lương không còn như trước. Tại các đô thị phát triển, sân khấu cải lương ít có sức thu hút đối với công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Dẫu vậy cũng khó có thể phủ nhận sự hiện diện của cải lương trong đời sống tinh thần của con người vùng đất này. Bởi loại hình cải lương vẫn không ngừng được nuôi dưỡng bằng tình cảm, ý thức bảo tồn và phát huy giá trị loại hình sân khấu đặc sắc của Nam Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung.

1. CHỦ THỂ VĂN HÓA

Văn hóa có thể được hiểu và định nghĩa là những điều con người có, con người nghĩ và con người làm với tư cách là những thành viên của xã hội (Culture as everything that people have, think, and do as members of a

Nguyễn Thị Trúc Bạch. Thạc sĩ. Trung tâm Văn học và Ngôn ngữ học. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

society) (Gary Ferraro & Susan Andreatta, 2010, tr. 28). Loại hình nghệ thuật được xem là sản phẩm văn hóa, khi gắn với ý nghĩa do con người của một vùng đất sáng tạo. Hay có thể nói, sản phẩm văn hóa là sự kết tinh từ tình cảm, trí tuệ của chủ thể văn hóa ở không gian - thời gian nhất định.

Người Việt ở Nam Bộ được xem là chủ thể văn hóa của loại hình nghệ thuật cải lương. Họ vừa đóng vai trò chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể tiếp nhận, thưởng ngoạn cải lương. Nói đến tính cách của người Việt ở Nam Bộ, chúng ta có thể nói đến ba đặc tính nổi bật và đậm chất văn hóa vùng như: tính cộng đồng, tính cởi mở và tính thiết thực, bộc trực. Tính cách này vừa mang dấu ấn vùng, vừa là những biểu hiện tính cách văn hóa chung của người Việt Nam.

1.1. Nam Bộ là vùng đất mới của tổ quốc, có cư dân từ nhiều nơi về tụ cư, lập nghiệp. Họ đến vùng đất Nam Bộ mang theo những sinh hoạt văn hóa, phong tục từ khắp nơi, góp nên bức tranh đa văn hóa của vùng. Tuy xuất cư từ những vùng văn hóa khác nhau, nhưng cư dân Nam Bộ có chung ước vọng lập nghiệp, khai khẩn vùng đất mới. Có lẽ bắt nguồn từ đó, người Nam Bộ có lối ứng xử dễ cảm thông, chia sẻ, có ý thức thiên về *tính cộng đồng* hơn tính cá thể, riêng biệt.

Trong quá trình cộng cư trên đất Nam Bộ, các thành phần cư dân đồng lòng chung tay xây dựng vùng đất mới. Ví như, người Việt đã đào hàng ngàn kênh, mương lớn nhỏ, tháo nước đầm lầy, khai hoang, phủ xanh nhiều vùng

đất xưa vốn là đất dũ. Người Khmer có nhiều kinh nghiệm trồng lúa trên vùng phèn mặn. Người Hoa bỏ nhiều công sức khai thác các giếng cát ven biển Bạc Liêu, Hà Tiên, Phú Quốc... để trồng cây ăn trái, rau xanh, hồ tiêu, đồng thời mở rộng trao đổi mua bán tại các chợ nông thôn, thị trấn, bến cảng. Người Chăm có nghề dệt lụa truyền thống nổi tiếng ở vùng Tân Châu. Chính sự giao lưu và bổ sung lẫn nhau trong đời sống kinh tế, sự cư trú xen kẽ của các tộc người tạo điều kiện cho sự giao lưu về mặt xã hội và văn hóa. Doãn Uẩn miêu tả đời sống cư dân Nam Bộ buổi đầu như sau: “Họ sống vui vẻ, an nhàn, vô sự. Trộm cắp ít xảy ra. Trâu thì có chuồng nhốt ngoài đồng. Họ rất thích ca múa, không ngày nào mà không có múa hát” (Sơn Nam, 1997, tr. 82). Theo Sơn Nam, người Nam Bộ sống nghĩa tình, thật thà và rất hiếu khách. Và chính sự quảng giao và hiếu khách của con người vùng đất này là một trong những tác nhân quan trọng làm nảy sinh nhiều dạng thức sinh hoạt văn nghệ dân gian, trong đó có Đờn ca tài tử (Sơn Nam, 1997, tr. 54).

1.2. Với điều kiện địa lý và tự nhiên đặc thù, cư dân Nam Bộ sống trong môi trường tương đối thoáng đạt, trù phú. Con người của vùng đất này mang tâm hồn phóng khoáng, cương trực, ít bảo thủ, sẵn sàng tiếp nhận những nguồn văn hóa khác nhau. Sinh hoạt văn hóa tinh thần ở Nam Bộ thể hiện *tính cởi mở*, phản ánh quá trình giao lưu văn hóa một cách tự nhiên giữa các tộc người Việt, Hoa,

Khmer, Chăm... và sau đó là sự giao lưu văn hóa với phương Tây.

Loại hình nghệ thuật cải lương chính là thể hiện của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa sân khấu truyền thống phương Đông – tiêu biểu nhất là hý khúc Trung Quốc với nền kịch nghệ phương Tây – điển hình là kịch nói Pháp. Nghệ thuật cải lương kế thừa các bài bản cổ truyền của nhạc tài tử gồm các hơi Nam, Bắc, Oán và tiếp thu âm nhạc Trung Quốc để sáng tạo ra các bản hơi Quảng như: *Khốc hoàng thiên*, *Xang xừ lúu*, *Sương chiều*... Phương thức xây dựng kịch cải lương tuân thủ quy tắc kịch phương Tây (Khai đề - Thắt nút - Mở nút). Cho đến giữa thế kỷ XX, khá nhiều kịch bản cải lương được phóng tác theo tác phẩm văn học của Pháp hay tuồng Trung Quốc như: *Mạnh Lệ Quân*, *Trang Tử mộng hồ điệp*, *Tây sương ký*, *Tơ vương đến thác* (Trà Hoa Nữ của Alexandre Dumas con), *Bằng hữu binh nhung* (*Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Alexandre Dumas cha)... Sân khấu cải lương chia thành hai dòng sân khấu lớn: sân khấu cải lương tuồng Tàu (còn được gọi là cải lương tuồng cổ); sân khấu cải lương tuồng Tây (còn gọi là cải lương tuồng hương xa) diễn những vở phóng tác theo tác phẩm phương Tây hay những vở xã hội có cốt truyện Việt Nam.

Người Nam Bộ có *tính bộc trực*, rõ ràng “*vui cho ra vui, buồn cho ra buồn*”. Tính cách này không chỉ thể hiện trong cuộc sống đời thường, mà cả trong lối tư duy, sáng tạo nghệ

thuật. Các hình thức diễn xướng dân gian của người Nam Bộ thường mang phong cách đại chúng, chuộng lối diễn bộc bạch, “nói” ra những suy tư, vui buồn. Nói thơ là hình thức dân ca phát triển sớm nhất ở Nam Bộ như *Thơ Vân Tiên*, *Thơ Cặp Hai Miếng*, *Thơ Sáu Trọng*... Bên cạnh đó hò và lý là hai loại hình dân ca cũng được người Nam Bộ yêu thích. Phần lớn các câu hò, điệu lý đều gắn liền với lao động sản xuất nông ngư nghiệp, thể hiện tiếng nói tình cảm của người dân Nam Bộ như: *Hò cấy lúa*, *Hò giã gạo*, *Hò chèo ghe*, *Lý bánh bò*, *Lý đất giồng*, *Lý kéo chài*, *Lý qua cầu*, *Lý con sáo*, *Lý ngựa ô*...

Từ sinh hoạt vật chất đến văn hóa tinh thần, cư dân Nam Bộ chuộng *tính thiết thực*, trọng nội dung hơn hình thức. Khác với văn chương miền Bắc, những tác phẩm văn chương Nam Bộ ít trau chuốt về câu chữ, nhưng lại dụng công xây dựng những tình tiết hấp dẫn và lôi cuốn. Đọc những tiểu thuyết, truyện ngắn đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ như *Kim thời dị sử* của Biền Ngũ Nhy, *Châu về hiệp phố*, *Lửa lòng* (Bách si ma) của Phú Đức, *Chúa tàu Kim Quy*, *Chút phận linh đình* của Hồ Biểu Chánh... người đọc thú vị với nội dung cuốn hút, tình tiết ly kỳ. Tuy nhiên, phần lớn tác phẩm văn học Nam Bộ buổi đầu thường hạn chế ở cách diễn đạt, lối chính tả. Văn nghệ Nam Bộ luôn hướng đến mỹ học nhân sinh, hướng con người đến điều thiện, xa lánh cái ác; và hướng đến kết thúc có hậu theo tư tưởng triết học phương Đông “thiện giả thiện lai, ác

giả ác báo”. Đó cũng là tư tưởng chủ đạo trong các vở kịch cải lương Nam Bộ.

Người Nam Bộ có tính cách ưa hành động, năng động và sáng tạo trong công việc. Họ cũng không ngại khó, lao động cật lực, và rất hào phóng. Tính cách hào phóng của người Nam Bộ được thể hiện điển hình qua các giai thoại về Công tử Bạc Liêu, Bạch công tử. Những nhà giàu có sẵn sàng mời các gánh hát bội, các nghệ nhân múa bóng và dàn nhạc Lễ về biểu diễn phục vụ cộng đồng trong các dịp Kỳ yên. Những bậc học giả như Lương Khắc Ninh, Đặng Thúc Liêng... cũng từng dốc hết gia sản để lập gánh hát cải lương thỏa niềm đam mê. Nếu tính năng động của người Nam Bộ đã sáng tạo ra cải lương, thì tính hào phóng của người Nam Bộ đã chấp cánh cho loại hình nghệ thuật này nhanh chóng phát triển.

Nhìn chung, môi trường văn hóa là điều kiện góp phần hình thành hệ thống tính cách đặc trưng của chủ thể văn hóa. Với tư cách là chủ thể, người Nam Bộ mang những tính cách văn hóa đặc thù. Và họ chủ động sáng tạo những loại hình văn nghệ phù hợp với tính cách, tình cảm, thẩm mỹ, nhu cầu giải trí của họ, trong đó tiêu biểu nhất là nghệ thuật cải lương.

2. ĐẶC TÍNH BIỂU CẢM TRONG CẤU TRÚC NGHỆ THUẬT CẢI LƯƠNG

Dân ca Nam Bộ từ những bài hát ru, đến những bài hò, bài lý đều thiên về diễn tả tình cảm, đậm chất trữ tình. Phần lớn giai điệu dân ca thường có thang âm trầm, nhạc tính nhẹ nhàng,

thể hiện tâm tư, tình cảm của con người. Tính biểu cảm, trữ tình là một trong những đặc tính tiêu biểu của nghệ thuật diễn xướng, biểu diễn ở Nam Bộ, trong đó có cải lương. Nhìn từ cấu trúc nghệ thuật, tính biểu cảm của cải lương thể hiện tập trung trên các bình diện: 1. Nội dung kịch bản. 2. Bài bản, làn điệu. 3. Diễn xuất.

2.1. Nội dung kịch bản

Cải lương được xem là “loại hình nghệ thuật tình cảm”, đó là một đặc trưng nổi bật. Kịch bản cải lương thường có cốt truyện xúc động, giàu tình cảm. Những câu chuyện xã hội, tình cảm được soạn giả khai thác triệt để những tình tiết làm nổi bật nỗi bi thương.

Những câu chuyện tình yêu là đề tài khá phổ biến của sân khấu cải lương. Cải lương có thế mạnh trong việc xây dựng những cuộc tình tay ba, tay tư, và gần như trở thành nguyên tắc cấu trúc nghệ thuật. “Nhìn lại trên 1000 tác phẩm cải lương đều có lối dẫn dắt truyện: tử biệt-sinh ly-chia lìa-gặp lại, mang nội dung trữ tình, đi sâu khai thác những xung đột tình cảm, tạo cái bi, hài” (Tuấn Giang, 2006, tr. 479).

Nhìn một cách khái quát, tác phẩm cải lương kinh điển để lại dấu ấn trong lòng khán giả Nam Bộ nhiều nhất thường là những vở diễn về gia đình và tình yêu như: *Lá sầu riêng*, *Tô Ánh Nguyệt*, *Đời cô Lựu*, *Lan và Điệp*, *Nửa đời hương phấn*, *Con gái chị Hằng*, *Người vợ không bao giờ cưới*, *Vợ và tình...* Những soạn giả cải lương nổi tiếng đều viết nhiều về chủ đề tình yêu như Trần Hữu Trang, Hà Triều - Hoa Phượng, Năm Châu...

Tác phẩm cải lương thường được xây dựng trên những xúc cảm cơ bản như: bi, hài, anh hùng ca. Xúc cảm anh hùng ca thường xuất hiện trong những vở cải lương cách mạng. Đa phần, soạn giả cải lương xây dựng kịch trên xúc cảm bi và hài. Trong đó, xúc cảm bi được xem là xúc cảm chủ đạo, hướng khán giả xúc động với những câu chuyện tình nhân thế.

Tuy kịch bản cải lương chứa đựng cả hai xúc cảm bi và hài, nhưng xúc cảm bi trong kịch bản cải lương không phải là những bi kịch không lối thoát, có bi cảm nhưng không tuyệt vọng. Con người vượt qua cái bi như vượt qua số phận, vượt qua những trở lực của cuộc đời để hướng đến hạnh phúc, trọn vẹn. Những nhân vật trên sân khấu cải lương chính là những con người mang tính cách rất Nam Bộ - mạnh mẽ, sẵn sàng đối đầu với khó khăn để mưu cầu hạnh phúc. Niềm vui sum họp luôn là kết cục của những vở cải lương, phù hợp với văn hóa truyền thống Việt Nam.

Nếu như xúc cảm bi trong cải lương được tác giả tập trung khai thác ở diễn xuất, tình tiết, âm nhạc, lời ca; thì xúc cảm hài lại tập trung trong lối diễn xuất của diễn viên có tính ngoại hình nhiều hơn là nội tâm nhân vật. Nhân vật hài xuất hiện nhằm làm giảm tính bi lụy của cảnh diễn hay tiết chế tính xung đột của hành động kịch. Cái hài trong cải lương là sự điểm xuyết vào chuỗi bi lụy kéo dài, những nhân vật hài của cải lương chỉ xuất hiện thoáng qua cùng với các nhân vật chính, như xóa đi nỗi buồn bằng cách chọc cười

vô tư. Cải lương nếu thiếu xúc cảm hài sẽ nặng nề và ảm đạm. Kịch bản cải lương là sự sắp xếp hợp lý các hành động kịch mang xúc cảm bi và hài xen lẫn.

Sân khấu kịch phương Tây thường chia kịch thành hai thể loại: bi kịch và hài kịch. Về sau, xuất hiện bi hài kịch – đây là thể loại mà trong đó nhân vật người tốt và người xấu trong kịch đều có kết thúc trái ngược. Nghệ thuật cổ điển Pháp từng phân chia các nhóm loại hình theo giá trị “cao cấp” và “hạ đẳng”. Loại hình “cao cấp” gồm: anh hùng ca, bi kịch, mô tả những biến cố lịch sử lớn và những con người xuất sắc như vua, tướng, anh hùng. Loại hình “hạ đẳng” bao gồm: hài kịch, thơ văn trào phúng, thơ ngụ ngôn... mô tả đời sống riêng của những người thuộc tầng lớp trung lưu và dân thường. Một nguyên tắc nghiêm ngặt là không được trộn lẫn loại hình này với loại hình khác. Các nhà soạn kịch cổ điển phủ nhận loại bi hài kịch. Trong khi đó, phương Đông nói chung, Đông Nam Á nói riêng, có cách nhìn nhận khác về nghệ thuật sân khấu. Nghệ thuật sân khấu Đông Nam Á không chấp nhận sự phân chia rạch ròi giữa bi kịch và hài kịch. Bi kịch là loại thể xa lạ đối với nền kịch nghệ Đông Nam Á. Các nhân vật kịch thường là thần linh, quý tộc, đạo sĩ, đầy tớ, thị dân, nông dân, người lao động... Tư tưởng kịch mang khuynh hướng giáo huấn “cái tốt thắng cái xấu”, “cái thiện thắng cái ác”. Vì thế, hướng kết thúc kịch bao giờ cũng vui vẻ, người tốt xứng đáng được hưởng niềm hạnh phúc an lạc

và ngược lại kẻ xấu phải trả giá thích đáng.

Cải lương được ví là đứa con từ cuộc hôn phối Đông-Tây, kết quả của sự tiếp thu có chọn lọc về thủ pháp nghệ thuật của nền sân khấu Đông-Tây. Tiếp thu kịch nghệ phương Tây, nhưng cải lương rất gần gũi với nền kịch Đông Nam Á khi không có sự phân biệt giữa bi kịch và hài kịch, đều hướng đến kết thúc vui tươi, hạnh phúc. Tính bi và hài của cải lương không chỉ mang dấu ấn của văn hóa khu vực mà còn phản ánh bản sắc văn hóa vùng. Trong cuộc sống người Nam Bộ luôn vượt thoát những ưu sầu, phiền lụy, hướng đến niềm vui tươi, hạnh phúc. “Người Nam Bộ thích kết thân bạn bè cùng nhau chè chén, ăn chơi xả láng ồn ào, nhưng sẵn trong họ một cái gì đó mang nặng âm điệu sầu tư. Nên trong cuộc vui, họ ham mê ca xướng, hát bội, cải lương, nhất là các âm điệu vọng cổ chất chứa sầu vọng. Đó là hai mặt của tâm lý con người Nam Bộ” (Ngô Đức Thịnh, 2004, tr. 290)

2.2. Bài bản, làn điệu

Âm nhạc là tiếng nói của tình cảm, là một bộ phận không thể thiếu trong đời sống tinh thần. Con người mượn âm nhạc làm phương tiện để chuyển tải cảm xúc. Nói đến âm nhạc trong cải lương, các nhà nghiên cứu: Vương Hồng Sển, Sĩ Tiến, Ngô Đức Thịnh đều thống nhất nhận xét rằng bài bản, làn điệu của cải lương luôn thể hiện tính biểu cảm, chất trữ tình trong cấu trúc nghệ thuật.

Soạn giả sáng tác, tổ chức bài bản, làn điệu phù hợp với nội dung kịch. Bài bản là những bài nhạc có văn bản như những bản nhạc Bắc, bản nhạc lễ cung đình Huế, bản nhạc Tàu... Làn điệu là tên gọi các điệu thức trong ca nhạc cải lương như giọng Bắc, giọng Nam, giọng Oán, giọng Quảng, giọng tân nhạc...

Lịch sử nghệ thuật cải lương có hai mươi bài bản gốc mang ý nghĩa trụ cột, gồm có “sáu Bắc, ba Nam, bốn Oán và bảy Hạ”. Sáu Bắc gồm: *Lưu thủy trường, Phú lục, Bình bán chấn, Xuân tình, Tây Thi, Cổ bản*. Ba Nam gồm: *Nam xuân, Nam ai, Đảo ngũ cung*. Bốn Oán gồm: *Tứ đại oán, Phụng cầu hoàng, Phụng hoàng, Giang Nam*. Bảy Hạ (bảy Cò) gồm: *Ngũ đối hạ, Ngũ đối thượng, Long Đăng, Tiểu khúc, Xàng xê, Long ngâm, Vạn giá*. Đó còn được xem là những bài tổ của nghệ thuật cải lương. Bên cạnh, còn có những bài bản thuộc sáng tác mới như: *Vân thiên tường, Phụng cầu hoàng, Giang Nam...* hay những bài bản mang nguồn gốc từ hý khúc Trung Quốc đã được Việt hóa như: *Ú lú ú xăng, Ngũ điểm tạ, Xang xừ lú, Bắc sơn trà, Khóc hoàng thiên, Liễu thuận nương, Sương chiều...* Những bài bản cải lương luôn đi sóng đôi mang tính quy luật với làn điệu, ví như những bài bản Bắc thường đi với giọng Bắc mang tính trong sáng, vui khỏe; những bài bản Oán được thể hiện bằng giọng Oán mang âm hưởng du dương, náo nức... Bài bản, làn điệu cải lương đã diễn tả hầu hết những cung bậc tình cảm của con người, âm

điệu thiên về cảm xúc. Với nghệ thuật cải lương, ba điệu thức quan trọng là Bắc, Nam và Oán cùng tồn tại và gắn bó với nhau trên sân khấu. Trong đó, điệu thức Oán luôn giữ vai trò chủ đạo. Hơi Oán (giọng Oán) được xem là điệu thức chính và chủ đạo trong cải lương Nam Bộ. Các bài bản chủ chốt của cải lương, từ khi ra đời cho đến nay đều là những bản Oán tiêu biểu như *Tứ đại oán*, *Dạ cổ hoài lang* và *Vọng cổ*. Do cải lương mang tính biểu cảm, trữ tình với những lớp (màn) diễn tả nội tâm nhân vật, tự sự nên điệu Oán thể hiện tốt hơn Bắc và Nam. Điệu Oán có thể kết hợp cùng với Bắc và Nam thực hiện có hiệu quả mô hình “từ điệu chuyển hơi” trên sân khấu cải lương.

Cổ nhân có câu: “Phi trống bắt thành chèo”, còn cải lương mà không có vọng cổ thì sẽ mất đi phong vị cải lương. Những bài vọng cổ được xem là “đặc sản” nghệ thuật trong văn hóa Nam Bộ. Sự hiện diện của vọng cổ trong kịch bản cải lương góp phần làm tăng tính biểu cảm của sân khấu cải lương, bởi vọng cổ là những bài ca trữ tình, diễn tả sắc thái tình cảm thâm thiết, sâu sắc. Chẳng hạn, cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu sáng tác bản *Vọng cổ* (*Dạ cổ*, *Dạ cổ hoài lang*) vào năm 1920 ở Nam Bộ trong cảm thức đau khổ, nỗi sầu thương, da diết khi vợ chồng chia tay. Nguyên bản *Vọng cổ* ca bằng giọng Bắc, nhịp đôi. Sau khi ra đời, bản *Vọng cổ* được đưa vào cải lương và nhanh chóng chiếm được tình cảm của công chúng đương thời. Trên cơ sở nguyên bản, *Vọng cổ*

không ngừng được cải biên theo thời gian, từ nhịp đôi nguyên thủy tăng lên nhịp sáu mươi bốn; từ giọng Bắc biến thể ra giọng Nam có pha hơi Oán. Quá trình tiếp nhận và cải biên bản *Vọng cổ* thể hiện thị hiếu âm nhạc của con người Nam Bộ, yêu chuộng những bài ca giàu sắc thái biểu cảm, đậm chất trữ tình.

2.3. Diễn viên, diễn xuất

Đặt các thành tố trong cấu trúc nghệ thuật cải lương theo hệ quy chiếu về tính biểu cảm, chúng ta sẽ nhận ra rằng các thành tố có tính thống nhất và chặt chẽ. Bên cạnh nội dung kịch bản, bài bản, làn điệu, người nghệ sĩ (diễn viên) cải lương phải luôn ý thức lối diễn xuất của sân khấu trữ tình.

Lối diễn xuất của diễn viên cải lương vừa đáp ứng tính hiện thực, vừa mang tính biểu cảm. Khác với diễn viên chính kịch, diễn viên cải lương trong lối diễn xuất phải thể hiện sự biểu cảm trong tính cách lẫn dung mạo. Trong sự quan sát và so sánh, giữa hai hệ thống diễn viên kịch nói và cải lương, chắc chắn chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra tính “màu mè” của diễn viên cải lương.

Tài năng của người diễn viên được đánh giá bằng sức thu hút khán giả. Thông thường, những diễn viên được đánh giá là tài năng, chính là những người thông qua hình tượng nhân vật sân khấu, lấy nước mắt của khán giả. Trong quá trình biểu diễn, người diễn viên còn phải biết ứng tác để góp phần tăng hiệu quả bi của màn diễn, vỡ diễn.

Người diễn viên cải lương, thường như cần phải hội đủ bốn yếu tố “thanh, sắc, tài, duyên”. “Thanh, sắc” được hiểu với hàm nghĩa giọng hay, người đẹp; “tài, duyên” mang ý nghĩa diễn xuất phải có điệu bộ màu mè, có tấn kịch, thu hút được khán giả.

Cho đến nay chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu lối diễn xuất của diễn viên cải lương. Ở phần viết này, người viết chỉ xin trình bày bước đầu những ý tứ được góp nhặt trong quá trình nghiên cứu nghệ thuật cải lương ở Nam Bộ.

3. KẾT LUẬN

Người Việt ở Nam Bộ vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể tiếp nhận nghệ thuật cải lương. Cải lương ra đời

xuất phát từ nhu cầu sáng tạo và thị hiếu thẩm mỹ mới của công chúng Nam Bộ vào những năm 1920 của thế kỷ XX. Môi trường văn hóa, tính cách văn hóa của chủ thể để lại dấu ấn đậm nét trong loại hình nghệ thuật cải lương Nam Bộ.

Cấu trúc nghệ thuật của cải lương Nam Bộ được xác lập trên những đặc trưng loại hình. Tính biểu cảm là một trong những đặc tính tiêu biểu của sân khấu cải lương, thể hiện rõ trong nội dung kịch, bài bản, làn điệu và lối diễn xuất của người diễn viên. Đặc tính biểu cảm đã mang đến cho sân khấu cải lương sức cuốn hút độc đáo của loại hình sân khấu trữ tình. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ngô Đức Thịnh. 2004. *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
2. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương. 2007. *Sân khấu cải lương ở Thành phố Hồ Chí Minh*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM - Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
3. Sơn Nam. 1997. *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa* (tái bản). TPHCM: Nxb. TPHCM.
4. Trần Văn Khải. 1970. *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*. Sài Gòn: Khai Trí xuất bản.
5. Tuấn Giang. 2006. *Nghệ thuật cải lương*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.